

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**Năm 2024***(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số /TB-SGDĐT ngày /4/2025)***Đơn vị: Trường THPT Nậm Pồ****Chương: 422****Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ***Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Nậm Pồ					
		Tổng số	Loại 070				
			Tổng loại 070	Khoản 074			
A	B	1	2	3			
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	217.567.976	217.567.976	217.567.976			
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	217.567.976	217.567.976	217.567.976			
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	217.567.976	217.567.976	217.567.976			
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)						
06	- Kinh phí đã nhận						

07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc					
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	14.049.413.000	14.049.413.000	14.049.413.000		
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.553.060.000	7.553.060.000	7.553.060.000		
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.496.353.000	6.496.353.000	6.496.353.000		
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	14.266.980.976	14.266.980.976	14.266.980.976		
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	7.770.627.976	7.770.627.976	7.770.627.976		
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	6.496.353.000	6.496.353.000	6.496.353.000		
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	13.333.102.173	13.333.102.173	13.333.102.173		
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.252.116.710	7.252.116.710	7.252.116.710		
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.080.985.463	6.080.985.463	6.080.985.463		
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	13.333.102.173	13.333.102.173	13.333.102.173		
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.252.116.710	7.252.116.710	7.252.116.710		
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.080.985.463	6.080.985.463	6.080.985.463		
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	420.367.537	420.367.537	420.367.537		
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	5.000.000	5.000.000	5.000.000		
22	- Đã nộp NSNN					
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)					
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	5.000.000	5.000.000	5.000.000		
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	415.367.537	415.367.537	415.367.537		
26	- Đã nộp NSNN					
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)					
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	415.367.537	415.367.537	415.367.537		

29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	513.511.266	513.511.266	513.511.266			
30	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)</i>	513.511.266	513.511.266	513.511.266			
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	513.511.266	513.511.266	513.511.266			
33	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)</i>						
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						

49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
59	- Số dư dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>						
63	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>						
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>						
66	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>						
69	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>						

70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)						

89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)						
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)						